

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1056/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Khanh.

2. Ông Huỳnh Văn Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1516/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2022, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 439/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: 77/1 Đường số A, tổ B, khu phố Ô, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Đội A, ĐH, TH, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi; tạm trú: Nhà không số, tổ C, Ấp D, xã X, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyền số 2/2009 ngày 31/12/2009. Vợ chồng chung sống cùng gia đình bà tại Quận 2. Năm 2012, vợ chồng chuyển về sinh sống tại căn Nhà không số, tổ C, Ấp D, xã X, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh do vợ chồng bà xây dựng năm 2011 trên nền đất mua giấy tay từ năm 2010. Từ khoảng năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ

hội nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng nên bà cùng 02 con về nhà mẹ ruột tại Quận 2 sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ ngày 13/3/2022 đến nay. Nay vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau nên bà xin ly hôn với ông T. Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 28/4/2011 và Nguyễn Lê Thiên B, sinh ngày 17/11/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con). Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này. Vợ chồng bà không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà T, ông T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp; mâu thuẫn của vợ chồng giữa Bà T và ông T đã xảy ra từ khoảng năm 2019, sống ly thân từ tháng 3/2022 nhưng không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ. Hai con chung sinh năm 2011, 2018 đang do Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung sinh năm 2011 có nguyện vọng ở với Bà T. Bà T trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Ông T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn có địa chỉ tạm trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Thành T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Nguyên đơn là Bà Lê Thị T có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyền số 2/2009 ngày 31/12/2009 của Ủy ban nhân dân phường K, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, và trình bày của Bà T, xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu ly hôn:

Bà T trình bày vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đặc biệt trầm trọng từ năm 2019, sống không hạnh phúc và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ ngày 13/3/2022 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nên cương quyết xin ly hôn.

Ông T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trực tiếp nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án vào ngày 20/12/2022, nhưng vắng mặt không có lý do là bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ngày 17/5/2023, đại diện Ban nhân dân ấp D, xã X, huyện Hóc Môn xác định không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và ông T, do trong thời sinh sống tại địa phương, vợ chồng Bà T, ông T không trình báo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên Bà T đoàn tụ vợ chồng để chăm lo cho 02 con chung còn nhỏ nhưng Bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và ông T là có thật, đã kéo dài, vợ chồng sống ly thân bỏ mặc nhau từ ngày 13/3/2022 đến nay mà không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ, khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Bà T là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung, nuôi con chung:

Bà T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Bảo C sinh ngày 28/4/2011, Nguyễn Lê Thiên B, sinh ngày 17/11/2018 là phù hợp với bản sao Giấy khai sinh số 51, quyền số 01/2011 ngày 02/6/2011 của Ủy ban nhân dân phường K, Quận 2 và bản sao Giấy khai sinh số 01 ngày 03/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà T là người đang trực tiếp nuôi 02 con, con chung sinh năm 2011 có nguyện vọng được ở với Bà T theo nội dung bản tự khai ngày 21/12/2022. Vì vậy, việc Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con là phù hợp thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Tại đơn xin ly hôn ngày 11/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng, tương ứng 2.500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con.

Tại đơn trình bày ngày 11/9/2023, Bà T xác định ông T cấp dưỡng nuôi con hay không là bổn phận, là trách nhiệm của người làm cha nên ông T tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; hơn nữa, từ ngày vợ chồng sống ly thân là ngày 13/3/2022 đến nay, bà cũng vẫn chăm lo tốt cho các con mà không có bất cứ sự hỗ trợ nào của ông T.

Do người khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đã rút.

[5] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Ông T không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[6] Về tài sản chung: Ghi nhận Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận Bà T trình bày không có.

[8] Phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc giải quyết vụ án là cùng quan điểm với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là Bà Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Lê Bảo C sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011, và Nguyễn Lê Thiên B sinh ngày 17 tháng 11 năm 2018.

Giao cho Bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Lê Bảo C sinh ngày 28 tháng 4 năm 2011, và Nguyễn Lê Thiên B sinh ngày 17 tháng 11 năm 2018.

- Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thành T do Bà Lê Thị T rút yêu cầu; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thành T cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Ghi nhận Bà Lê Thị T trình bày không có.

- Về tài sản chung: Ghi nhận Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015322 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND phường K, Quận 2, Tp.HCM; (nay là phường L, thành phố Thủ Đức, Tp.HCM)
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Huy

